

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÙ CÁT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/01/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Đặng Hữu Lộc

2. Ông: Phan Thanh Long

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 08/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2000*

Địa chỉ: Thôn Đ- Ph 1, xã C- M, huyện Ph- C, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn: Anh Ngô Văn L, sinh năm 1992*

Địa chỉ: Thôn Ph- L, xã C- Kh, huyện Ph- C, tỉnh Bình Định.

(Nay chị Y, anh L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:*

-Về hôn nhân: Chị Y với anh Ngô Văn L tổ chức lễ cưới năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 24/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C- Kh, huyện Ph- C, tỉnh Bình Định – Hôn nhân tự nguyện. Chị với anh L có 01 con chung, quá trình chung sống do tính cách giữa chị và anh L không hợp nhau nên thường xảy ra bất đồng, cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, gia đình hai bên đã giàn xếp hòa giải vợ chồng nhiều lần nhưng rồi mâu thuẫn vẫn không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng thêm, chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Chị không thể nào tiếp tục chung sống hạnh phúc với anh L được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn L.

-Về con chung: Giữa chị với anh L có 01 con chung, con gái, tên là: Ngô Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày: 27/12/2017, con hiện đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng.

-Về tài sản chung vợ chồng: Chị xác định tài sản chung giữa chị với anh L hiện có:

+01 chiếc xe mô tô hiệu AIRBLADE – biển số: 77E1-644.43 đứng tên Ngô Văn L, xe và giấy tờ xe (bản chính) hiện anh L đang quản lý. Chiếc xe này vợ chồng mua năm 2019 bốn mươi mấy triệu, qua thời gian sử dụng, giá trị thực tế chiếc xe nay còn khoảng 30 triệu đồng.

+15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền mặt chị đang quản lý, loại tiền Việt Nam đồng. Số tiền này chị đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh huyện Ph- C vào tháng 7/2020. Ngày 25/12/2020 chị đã rút toàn bộ số tiền này, hiện chị đang quản lý.

+14 chỉ vàng y (loại vàng 4 số 9) hiện anh L đang quản lý.

Thực tế, trước năm 2019 chị và anh L có 19 chỉ vàng y (loại vàng 4 số 9), năm 2019 vợ chồng đã bán 05 chỉ, thêm một số tiền mặt vợ chồng dành dụm được nữa mua chiếc xe mô tô hiệu AIRBLADE nói trên, nên hiện còn 14 chỉ vàng y do anh L đang quản lý.

Nay vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị chiếc xe, 15.000.000đồng và 14 chỉ vàng y nói trên cho chị và anh L mỗi người được quyền sở hữu ½ giá trị tài sản.

**Tại biên bản lấy lời khai anh Ngô Văn L ngày 30/12/2020, biên bản phiên họp, phiên hòa giải ngày 30/12/2020 và tại phiên tòa hôm nay - Bị đơn anh Ngô Văn L trình bày:*

-Về hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Y, anh thống nhất như lời chị Y trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ anh tại thôn Ph- L, xã C- Kh, huyện Ph- C. Anh thường đi làm biển xa nhà, Y ở nhà chăm con. Sau đó vợ đi làm công ty ở trên thôn Ph- K, xã C- Tr, huyện Ph- C. Để thuận tiện cho việc đi làm, Y

bồng con về nhà cha mẹ ruột Y ở. Khi anh đi biển về, anh điện Y bảo chở con về nội chơi nhưng Y không đi, từ đó vợ chồng bất đồng, lời qua tiếng lại, ngoài ra không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh thống nhất giữa anh với chị Y có 01 con chung như chị Y đã trình bày. Nếu Y kiên quyết yêu cầu ly hôn và Tòa án xét xử cho vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con, còn nếu Tòa giải quyết giao con cho chị Y nuôi thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, vì anh không phải là người đưa đơn ly hôn.

- Về tài sản chung vợ chồng: Anh xác định hiện tài sản chung giữa anh với chị Y gồm có:

+01 chiếc xe mô tô hiệu AIRBLADE - biển số: 77E1-644.43, giấy tờ xe đứng tên Ngô Văn L, xe và giấy tờ xe (bản chính) hiện anh đang quản lý. Chiếc xe này năm 2019 vợ chồng mua 43.400.000 đồng, lâu nay đã qua sử dụng nên theo anh giá trị thực tế chiếc xe nay còn khoảng 30.000.000 đồng.

+ 15.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng do Y đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện Ph- C hôm tháng 7/2020, sổ tiết kiệm (bản chính) hiện anh đang giữ. Số tiền này do anh đi biển dành dụm có được đưa cho vợ giữ, gửi tiết kiệm.

Nếu nay Tòa án giải quyết cho anh và chị Y ly hôn, anh thống nhất chia đôi giá trị chiếc xe theo giá thực tế hiện nay là 30 triệu đồng và chia đôi số tiền 15.000.000 đồng gửi tiết kiệm nói trên để anh và chị Y mỗi người được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Lời khai chị Y cho rằng hiện vợ chồng còn có 14 chỉ vàng y anh đang quản lý và yêu cầu phân chia số vàng này, anh có ý kiến như sau:

Anh thừa nhận trước năm 2019 vợ chồng có mười mấy chỉ vàng y, anh không nhớ số lượng cụ thể, khi vợ chồng còn chung sống anh thừa nhận anh là người trực tiếp quản lý số vàng này. Năm 2019 vợ chồng đã bán khoảng 5-6 chỉ để mua chiếc xe AIRBLADE nói trên, còn lại một số chỉ vàng sau đó vợ chồng bán dần để chi tiêu cho vợ chồng, con cái, hiện tại không còn chỉ nào, nên anh không đồng ý lời khai của chị Y cho rằng hiện anh có giữ 14 chỉ vàng y và anh không đồng ý yêu cầu của chị Y yêu cầu phân chia số vàng này.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:*

-Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Y được ghi ngày 24/11/2020.

-Sổ hộ khẩu của hộ anh Ngô Văn L (bản sao), giấy chứng minh của chị Nguyễn Thị Ngọc Y (bản sao), giấy đăng ký xe mô tô hiệu AIRBLADE - biển số: 77E1-644.43 đứng tên Ngô Văn L (bản sao), trích lục khai sinh của cháu Ngô Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày: 27/12/2017 (bản sao), trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Y – anh Ngô Văn L (bản sao).

-Bản tự khai của chị Y, biên bản lấy lời khai anh Ngô Văn L. Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

-Xét nội dung vụ án:

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Ngô Văn L tổ chức lễ cưới năm 2017, ngày 24/9/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C- Kh, huyện Ph- C, tỉnh Bình Định tại số đăng ký kết hôn 86 – Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị Y, anh L là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị Y - anh L đã có 01 con chung, tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng không đồng quan điểm nên thường xảy ra bất hòa, cãi vã, từ tháng 3/2020 đến nay chị Y và anh L đã sống ly thân, chị Y thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh L không có hạnh phúc nên chị gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện, Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải để anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, quay lại đoàn tụ cuộc sống vợ chồng, nuôi con, tuy nhiên chị Y một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn anh L. Anh L không đồng ý ly hôn, nhưng anh cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, giữa chị Y – anh L vẫn sống ly thân, điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị Y – anh L thực sự không có hạnh phúc. Mục đích của hôn nhân là xây dựng hạnh phúc lứa đôi, nhưng giữa chị Y, anh L chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 – HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, cho chị Y được ly hôn anh Ngô Văn L.

[2]*Về con chung:* Chị Y và anh L có 01con chung tên là: Ngô Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày: 27/12/2017, con hiện đang ở với chị Y. Chị Y, anh L đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Chị Y yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nếu Tòa giải quyết giao con cho chị Y nuôi.

Xét yêu cầu về quyền được trực tiếp nuôi của của chị Y, anh L, HĐXX thấy rằng: Cháu Tr hiện nay còn quá nhỏ, cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, lâu nay cháu cũng đang ở với mẹ ổn định. Anh L thì thường đi làm biển xa nhà, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014. HĐXX quyết định giao cháu Ngô Nguyễn Ngọc Tr cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.5000.000đồng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[3] Xét yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Y, anh L:

HĐXX thấy rằng: Giữa chị Y, anh L trình bày không có sự thống nhất về xác định các tài sản chung của hai vợ chồng hiện có. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của chị Y và anh L trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện và các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã xác minh, thu thập được, đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đủ cơ sở xác định tài sản chung giữa chị Y và anh L hiện có gồm:

+01 chiếc xe mô tô hiệu AIRBLADE - biển số: 77E1- 644.43, giấy tờ xe đứng tên Ngô Văn L, chiếc xe và giấy tờ xe (bản chính) anh L đang quản lý, cả chị Y, anh L đều thống nhất xác định chiếc xe nay có giá trị thực tế khoảng 30.000.000đồng, vì đã qua sử dụng.

+ 15.000.000đồng tiền Việt Nam đồng chị Y đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện Ph- C hôm tháng 7/2020, số tiền này chị Y đã rút toàn bộ vào ngày 25/12/2020, số tiền này chị Y đang quản lý. Thời gian chị Y gửi tiết kiệm và thời gian chị Y rút toàn bộ số tiền này đã được ông Trần Công B- Giám đốc Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện Ph- C cung cấp thông tin cho Tòa án huyện Ph-C tại biên bản xác minh ngày 06/01/2021.

+Đối với tài sản là vàng: Chị Y xác định trước năm 2019 vợ chồng có 19 chỉ vàng y (loại vàng 4 số 9), năm 2019 vợ chồng đã bán 05 chỉ để mua chiếc xe AIRBLADE nói trên, hiện còn 14 chỉ anh L đang quản lý. Anh L cho rằng trước năm 2019 vợ chồng có 13,5 chỉ vàng y, có khi anh khai có mười mấy chỉ anh không nhớ, năm 2019 đã bán 5-6 chỉ mua xe, còn lại một số chỉ vợ chồng đã bán chỉ tiêu hết, nay không còn chỉ nào, có khi anh khai với Tòa anh thừa nhận vợ chồng còn 14 chỉ vàng y anh đang quản lý. Lời khai của anh L về tài sản là vàng không có sự nhất quán. Chị Y xác định ngoài việc bán 05 chỉ vàng để mua xe, vợ chồng không có bán chỉ vàng nào để chi tiêu, vì chính anh L cũng đã trình bày xác định trước phiên tòa hôm nay là thu nhập bình quân của anh hàng tháng khoảng 06 đến 07 triệu đồng, nếu anh đi làm biển thì có tháng thu nhập từ 10 đến 20 triệu đồng, nên việc bán vàng để chi tiêu là lời khai không có cơ sở. HĐXX xét thấy lời khai của chị Y xác định hiện tại anh L có giữ 14 chỉ vàng y của vợ chồng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX xác định tài sản chung giữa chị Y, anh L hiện có gồm: 01 chiếc xe AIRBLADE - biển số: 77E1- 644.43 trị giá 30.000.000đồng anh L đang quản lý, 15.000.000đồng tiền Việt Nam đồng chị Y đang quản lý, 14 chỉ vàng y (loại vàng 4 số 9) anh L đang quản lý.

Trên cơ sở yêu cầu phân chia tài sản của các đương sự, căn cứ quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về nguyên tắc giải quyết

tài sản của vợ chồng khi ly hôn - HĐXX quyết định chia đôi giá trị các tài sản chung nói trên cho chị Y, anh L mỗi người được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Cụ thể giao chiếc xe AIRBLADE nói trên cho anh L được quyền sở hữu, buộc anh L thối lại cho chị Y $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 15.000.000đồng. 15.000.000đồng tiền Việt Nam đồng chị Y đang quản lý, buộc chị Y giao cho anh L 7.500.000đồng cho anh L được quyền sở hữu, còn lại 7.500.000đồng chị Y được quyền sở hữu. 14 chỉ vàng y anh L đang quản lý, buộc anh L có trách nhiệm giao lại cho chị Y 07 chỉ để chị Y sở hữu, còn lại 07 chỉ anh L được quyền sở hữu.

Loại vàng y 4 số 9 tại thời điểm Tòa xét xử sơ thẩm (Ngày 29/01/2021) có giá thị trường 5.400.000đồng/chỉ là căn cứ để Tòa tính án phí dân sự sơ thẩm buộc đương sự phải nộp.

Tổng giá trị tài sản chị Y, anh L mỗi người được quyền sở hữu là: (15.000.000đồng + 7.500.000đồng + (7chỉ x 5.400.000đồng/chỉ) = 60.300.000đồng.

[4]Án phí dân sự sơ thẩm:

+Án phí ly hôn: Buộc chị Y phải chịu 300.000đồng theo quy định của pháp luật.

+Án phí phân chia tài sản: Buộc chị Y, anh L mỗi người phải chịu 3.015.000đồng.

[5]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

-Về mặt thủ tục tố tụng: Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, cho chị Y được ly hôn anh L. Về con chung, đề nghị HĐXX giao cháu Tr cho mẹ là chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung đề nghị HĐXX xác định tài sản chung giữa chị Y – anh L gồm có: Chiếc xe AIRBLADE-biển số: 77E1- 644.43, 15.000.000đồng tiền Việt Nam đồng chị Y đang quản lý và 08 chỉ vàng y anh L đang quản lý. Đề nghị HĐXX chia đôi số tài sản chung này cho chị Y, anh L mỗi người được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết nội dung vụ án về vấn đề hôn nhân, con chung phù hợp với hướng nhận định của HĐXX, nhưng về phần tài sản chung là vàng, Kiểm sát viên nhận định hiện tại anh L đang quản lý 08 chỉ vàng y của vợ chồng là chưa phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên không được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 59, các Điều: 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Y, cho chị Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn anh Ngô Văn L.

[2] Về con chung: Giao cháu Ngô Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày: 27/12/2017 cho mẹ là chị Nguyễn Thị Ngọc Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tr tròn 18 tuổi.

Anh L là người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

+Giao chiếc xe mô tô hiệu AIRBLADE - biển số: 77E1- 644.43 trị giá 30.000.000đồng cho anh Ngô Văn L được quyền sở hữu. Buộc anh L có nghĩa vụ bồi trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Y $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

+15.000.000đồng tiền Việt Nam đồng hiện chị Y đang quản lý, buộc chị Y phải có trách nhiệm giao lại cho anh L $\frac{1}{2}$ số tiền là 7.500.000đồng để anh L được quyền sở hữu, còn lại 7.500.000đồng chị Y được quyền sở hữu.

+14 chỉ vàng y (loại vàng 4 số 9) hiện anh L đang quản lý, buộc anh L phải có trách nhiệm giao lại cho chị Y 07 chỉ để chị Y được quyền sở hữu, còn lại 07 chỉ anh L được quyền sở hữu.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Buộc chị Y phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Y đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009009 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát nên được khấu trừ.

+Án phí phân chia tài sản: Buộc chị Y, anh L mỗi người phải chịu 3.015.000đồng. Chị Y đã tạm ứng nộp 1.300.000đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009034 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph- C, nên nay chị Y còn phải tiếp tục nộp 1.715.000đồng (Một triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, chị Y, anh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Cát;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Chi cục T.H.A ds huyện Phù Cát;
- UBND xã C-Kh, huyện Ph- C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Diệp